



PHỤ LỤC

ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: 249.2022/QĐ - VPCNCL ngày 29 tháng 04 năm 2022
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tổ chức giám định /
Inspection Body: Công ty Cổ phần Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng -
INCOSAF
*INCOSAF - Construction Consultant and Safety Technique Inspection
Joint Stock Company*

Mã số/ Code: **VIAS 027**

Địa chỉ trụ sở chính/
The head office address: Tầng 18, tòa nhà ICON 4, Số 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng,
quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
*18th Floor, ICON 4 Tower, 243A De La Thanh street, Lang Thuong ward,
Dong Da district, Ha Noi Capital*

Địa điểm công nhận/
Accredited locations: Tầng 18, tòa nhà ICON 4, Số 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng,
quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
*18th Floor, ICON 4 Tower, 243A De La Thanh street, Lang Thuong ward,
Dong Da district, Ha Noi Capital*

Điện thoại/ Tel: **0243 8527102**

Email: **vp@incosaf.com.vn** Website: **www.incosaf.com.vn**

Loại tổ chức giám định/
Type of Inspection: **Loại A**
Type A

Người phụ trách/
Representative: **Lâm Văn Khánh**

Người có thẩm quyền ký
Approved signatory :

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ scope
1.	Lâm Văn Khánh	Các chứng thư giám định được công nhận/ <i>All accredited certificates</i>
2.	Ngô Quang Hưng	

Hiệu lực công nhận:
Period of Validation **29/ 04/ 2025**

DANH MỤC HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED INSPECTIONS

VIAS 027

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Đối tượng giám định <i>Inspection Items</i>	Nội dung giám định <i>Range of Inspection</i>	Phương pháp, quy trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>
Máy, thiết bị Equipments and machines	Thiết bị nâng (cần trục, cầu trục, cổng trục, trục tải, pa lăng, tời điện, tời thủ công) <i>Lifting appliances</i>	Kiểm định an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 09:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 10:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 13:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 14:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 16:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 01:2016/BXD QTKĐ 01:2018/BGTVT
		Kiểm tra chất lượng nhập khẩu và sản xuất trong nước / <i>Imported products and goods quality inspection</i>	QT 01
	Thang máy các loại <i>Elevator</i>	Kiểm định an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 02:2021/ BLĐTBXH
		Kiểm tra chất lượng nhập khẩu và sản xuất trong nước / <i>Imported products and goods quality inspection</i>	QT 03
	Thang cuốn, băng tải chở người <i>Escalator</i>	Kiểm định an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 25:2016/ BLĐTBXH
		Kiểm tra chất lượng nhập khẩu và sản xuất trong nước / <i>Imported products and goods quality inspection</i>	QT 02
	Sàn nâng người <i>Raised floor to lift people</i>	Kiểm định an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 12:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 03:2016/BXD
		Kiểm tra chất lượng nhập khẩu và sản xuất trong nước / <i>Imported products and goods quality inspection</i>	QT 01
	Xe nâng hàng, xe nâng người <i>Forklift</i>	Kiểm định an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 17:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 18:2016/ BLĐTBXH

DANH MỤC HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED INSPECTIONS

VIAS 027

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Đối tượng giám định <i>Inspection Items</i>	Nội dung giám định <i>Range of Inspection</i>	Phương pháp, quy trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>
Máy, thiết bị <i>Equipments and machines</i>	Xe nâng hàng, xe nâng người <i>Forklift</i>	Kiểm tra chất lượng nhập khẩu và sản xuất trong nước/ <i>Imported products and goods quality inspection</i>	QT 01
	Vận thăng lồng chở người và hàng, vận thăng hàng <i>Cage Hoist, Goods Hoist</i>	Kiểm định an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 19:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 20:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 02:2016/BXD
		Kiểm tra chất lượng nhập khẩu và sản xuất trong nước / <i>Imported products and goods quality inspection</i>	QT 01
	Hệ thống cáp treo chở người <i>Passenger Telfer System</i>	Kiểm định an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 30:2016/ BLĐTBXH
		Kiểm tra chất lượng nhập khẩu và sản xuất trong nước / <i>Imported products and goods quality inspection</i>	QT 06
	Sàn biểu diễn di động <i>Mobile stages</i>	Kiểm định an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 26:2016/ BLĐTBXH
		Kiểm tra chất lượng nhập khẩu và sản xuất trong nước / <i>Imported products and goods quality inspection</i>	QT 01
	Thiết bị trò chơi (Tàu lượn cao tốc, đu quay, máng trượt) <i>Gaming device (gliders, giant wheels, chutes)</i>	Kiểm định an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 27:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 28:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 29:2016/ BLĐTBXH
		Kiểm tra chất lượng nhập khẩu và sản xuất trong nước / <i>Imported products and goods quality inspection</i>	QT 04

DANH MỤC HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED INSPECTIONS

VIAS 027

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Đối tượng giám định <i>Inspection Items</i>	Nội dung giám định <i>Range of Inspection</i>	Phương pháp, quy trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>
Máy, thiết bị <i>Equipments and machines</i>	Đường ống dẫn hơi, nước nóng <i>Steam, Hot Water Pipe Line</i>	Kiểm định an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 04:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 04:2017/BCT
		Kiểm tra chất lượng nhập khẩu và sản xuất trong nước / <i>Imported products and goods quality inspection</i>	QT 12
	Nồi hơi, nồi gia nhiệt dầu <i>Boiler</i>	Kiểm định an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 01:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 02:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 01:2017/BCT
		Kiểm tra chất lượng nhập khẩu và sản xuất trong nước / <i>Imported products and goods quality inspection</i>	QT 09
	Bình áp lực, bồn bể (xitec) chứa khí hóa lỏng, chai chứa khí <i>Pressure Vessel</i>	Kiểm định an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 02:2017/ BCT QTKĐ 03:2017/ BCT QTKĐ 06:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 07:2016/ BLĐTBXH
		Kiểm tra chất lượng nhập khẩu và sản xuất trong nước / <i>Imported products and goods quality inspection</i>	QT 10
	Hệ thống lạnh <i>Refrigeration System</i>	Kiểm định an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 08:2016/ BLĐTBXH
		Kiểm tra chất lượng nhập khẩu và sản xuất trong nước / <i>Imported products and goods quality inspection</i>	QT 13

DANH MỤC HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED INSPECTIONS

VIAS 027

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Đối tượng giám định <i>Inspection Items</i>	Nội dung giám định <i>Range of Inspection</i>	Phương pháp, quy trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>
Máy, thiết bị <i>Equipments and machines</i>	Hệ thống điều chế và nạp khí <i>Gas Filling System</i>	Kiểm định an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 03:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 06:2017/ BCT
		Kiểm tra chất lượng nhập khẩu và sản xuất trong nước / <i>Imported products and goods quality inspection</i>	QT 14
	Đường ống dẫn khí đốt bằng kim loại <i>Gas pipe line made by metal</i>	Kiểm định an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 05:2017/ BCT
		Kiểm tra chất lượng nhập khẩu và sản xuất trong nước / <i>Imported products and goods quality inspection</i>	QT 16

Ghi chú/ Note:

- QT-xx: Quy trình giám định do tổ chức giám định xây dựng / *IB's developed methods*
- QTKĐ aa:yyyy/ BCT: Quy trình kiểm định của Bộ công thương / *Inspection procedure issued by Ministry of Industry and Trade*
- QTKĐ aa:yyyy/ BLĐTBXH: Quy trình kiểm định của Bộ Lao động thương binh và xã hội/ *Inspection procedure issued by Ministry of Labour – Invalids and Social affairs*
- QTKĐ aa:yyyy/ BXD: Quy trình kiểm định của Bộ xây dựng / *Inspection procedure issued by Ministry of Construction*
- QTKĐ aa:yyyy/ BGTVT: Quy trình kiểm định của Bộ Giao thông vận tải / *Inspection procedure issued by Ministry of Transport*